

BỘ LAO ĐỘNG- THƯƠNG BINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ XÃ HỘI **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: **1816** /LĐTBXH-BTXH

V/v Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Luật NKT
và Đề án trợ giúp NKT giai đoạn 2012-2020.

Hà Nội, ngày **19** tháng 5 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Ngày 17 tháng 6 năm 2010 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12; Ngày 05 tháng 8 năm 2012 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1019/QĐ-TTg phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020.

Nhằm đánh giá lại kết quả 5 năm thực hiện Luật người khuyết tật và giữa kỳ Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 để có giải pháp điều chỉnh phù hợp với Công ước của liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật. Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Lao động- Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, ngành có liên quan báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Luật người khuyết tật và giữa kỳ Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 (có đề cương gửi kèm theo).

Báo cáo gửi về Cục Bảo trợ xã hội, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (35 Trần Phú - Ba Đình - Hà Nội - điện thoại 04.37478676, fax 04.37478674, Email: huylinhthuy@yahoo.com.vn) trước ngày 15/6/2015 để kịp tổng hợp báo cáo Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (B/c);
- Lưu VP, Cục TBXH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Đàm

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**đánh giá 5 năm thực hiện Luật người khuyết tật và
giữa kỳ Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 1816/LĐTBXH-BTXH ngày 19/5/2015
của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

I. LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1. Việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước (QLNN) về công tác người khuyết tật (NKT) tại địa phương

- Việc lồng ghép công tác NKT vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương;
- Việc bảo đảm điều kiện để NKT thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm;
- Việc tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ NKT.

2. Về tình hình tổ chức thi hành Luật NKT tại địa phương

- Việc chỉ đạo, phân công trách nhiệm tổ chức thi hành Luật; công tác tuyên truyền
- Việc bố trí kinh phí cho công tác NKT và hỗ trợ kinh phí cho Quỹ trợ giúp NKT;
- Việc thực hiện xã hội hóa hoạt động trợ giúp NKT;
- Tình hình xác nhận NKT và hoạt động của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật ở cấp xã.

3. Kết quả thực hiện các chính sách với NKT tại địa phương

3.1. Xác định mức độ khuyết tật:

- Kết quả thực hiện xác định mức độ khuyết tật tại cấp xã: hội đồng xác định mức độ khuyết tật, thủ tục xác định mức độ khuyết tật, giấy xác nhận khuyết tật.
- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

3.2. Chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng

- Tình hình cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người khuyết tật;
- Kết quả thực hiện việc chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú;
- Kết quả thực hiện trách nhiệm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- Kết quả thực hiện việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng;
- Kết quả hỗ trợ công cụ, dụng cụ cho người khuyết tật (xe lăn, xe lắc, máy trợ thính, gậy dò đường,...);
- Hoạt động thực tế của trạm y tế xã đối với việc:
 - + Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức phổ thông về chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa, giảm thiểu khuyết tật; hướng dẫn NKT phương pháp phòng bệnh, tự chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng;

- + Lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe NKT;
- + Thực hiện chính sách ưu tiên trong khám bệnh, chữa bệnh đối với người khuyết tật;
- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

3.3. Giáo dục

- Kết quả thực hiện các quy định về giáo dục đối với NKT:
 - + Triển khai các phương thức giáo dục đối với người khuyết tật (giáo dục hòa nhập, giáo dục bán hòa nhập và giáo dục chuyên biệt);
 - + Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người khuyết tật tham gia giáo dục (miễn, giảm học phí, cung cấp phương tiện, tài liệu, sách vở, đồ dùng học tập,...);
- Kết quả thực hiện việc thành lập hoặc cho phép thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;
- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

3.4. Dạy nghề và việc làm

- Tình hình NKT tự tạo việc làm, hộ gia đình tạo việc làm cho NKT;
- Kết quả thực hiện các chính sách ưu đãi khi NKT tự tạo việc làm, hộ gia đình tạo việc làm cho NKT được hưởng chính sách (vay vốn với lãi suất ưu đãi để sản xuất kinh doanh từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ chuyển giao công nghệ sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm;
- Trách nhiệm chủ trì, phối hợp của Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm do NKT làm ra;
- Số liệu về cơ sở sản xuất, kinh doanh ở địa phương sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là NKT; các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên đã được hưởng các chính sách ưu đãi nào theo quy định của Luật NKT;
- Kết quả thực hiện các chính sách khuyến khích cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận NKT vào làm việc theo quy định của Luật NKT;
- Các mô hình việc làm điển hình của người khuyết tật (nếu có);
- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

3.5. Văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch

- Kết quả thực hiện các quy định về văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch (việc lồng ghép vào đời sống văn hóa cộng đồng, loại hình tổ chức);
- Trách nhiệm của cơ sở văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch tại địa phương: kết quả đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện trợ giúp và tạo điều kiện thuận lợi để NKT tham gia sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể dục, thể thao, giải trí và du lịch; kết quả việc bố trí nhân lực, phương tiện, công cụ hỗ trợ NKT khi tổ chức những hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch;

- Kết quả thực hiện việc miễn, giảm giá vé, giá dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí và du lịch theo quy định của Luật NKT và văn bản hướng dẫn thi hành;

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

3.6. Bảo trợ xã hội

- Việc thực hiện quy định mức trợ cấp xã hội hàng tháng, mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng, mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng, mức hỗ trợ chi phí mai táng, mức cấp kinh phí nuôi dưỡng NKT đặc biệt nặng trong cơ sở bảo trợ xã hội (BTXH) thuộc thẩm quyền quản lý;

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

3.7. Trợ giúp pháp lý

- Kết quả thực hiện các quy định về trợ giúp pháp lý cho NKT;

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

3.8. Tiếp cận các công trình công cộng, giao thông

- Kết quả thực hiện việc miễn, giảm giá vé, giá dịch vụ giao thông công cộng;

- Kết quả thực hiện lộ trình cải tạo nhà chung cư, công trình công cộng (Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; Nhà ga, bến xe, bến tàu; Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Cơ sở giáo dục, dạy nghề; Công trình văn hóa, thể dục, thể thao) đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật;

- Kết quả thực hiện việc đảm bảo phương tiện giao thông tiếp cận;

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

3.9. Tổ chức, hoạt động của Hội NKT tại địa phương

- Bộ máy làm công tác NKT ở địa phương;

- Tình hình Hoạt động của Hội; Quỹ trợ giúp NKT ở địa phương;

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

3.10. Quản lý thông tin/cơ sở dữ liệu về lĩnh vực người khuyết tật

- Thực trạng công tác quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về người khuyết tật: có số liệu về quy mô, số lượng và thông tin có liên quan về đối tượng người khuyết tật;

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

4. Đánh giá chung và kiến nghị

- Đánh giá chung: Về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân;

- Kiến nghị và đề xuất giải pháp.

II. ĐỀ ÁN TRỢ GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2012-2020

1. Đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đạt được theo từng hoạt động (bao gồm cả phần ước chỉ tiêu sẽ đạt được vào thời điểm 31/12/2015) của tỉnh, thành phố trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu của từng hoạt động phần thuộc đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 5 tháng 8 năm 2015.

2. Đánh giá về công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện đề án: Những ưu điểm, tác động tích cực, những tồn tại hạn chế của cơ chế quản lý hiện nay đối với đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020, cụ thể:

- Trong việc xây dựng kế hoạch, dự toán và phân bổ dự toán ngân sách đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020;
- Trong phân cấp quản lý thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020;
- Trong cơ chế điều phối, phối hợp thực hiện;
- Cơ chế quản lý và lồng ghép giữa các chương trình, dự án;
- Trong công tác theo dõi, giám sát đánh giá;
- Cơ chế báo cáo đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020;
- Sự tham gia của các bên liên quan;
- Việc huy động các nguồn lực để thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020;
- Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020;
- Tính bền vững của đề án.

3. Đánh giá tình hình thực hiện bố trí vốn và kinh phí cho đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020:

- Tổng số vốn và kinh phí đã chi cho các hoạt động thuộc đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020, chia ra từng năm bao gồm:
 - + Vốn và kinh phí từ ngân sách Trung ương;
 - + Vốn và kinh phí ngân sách địa phương;
 - + Vốn và kinh phí huy động từ các nguồn lực khác, □ (gồm cả phần dự kiến chi trong năm 2010) cho các hoạt động.

4. Phân tích, so sánh giữa nguồn vốn đã được bố trí thực hiện với yêu cầu thực tế của từng hoạt động.

5. Kết quả thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 cho từng hoạt động.

6. Kiến nghị và đề xuất.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CỦA TỈNH/TP

Mã	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu	
I	CHỈ TIÊU CHUNG	Người	Nữ	Tổng số
1	Số lượng người khuyết tật	Người		
	<i>Chia theo dạng tật</i>			
1.1	Số người khuyết tật vận động	Người		
1.2	Số người khuyết tật nghe và nói	Người		
1.3	Số người khuyết tật nhìn	Người		
1.4	Số người khuyết tật thần kinh	Người		
1.5	Số người khuyết tật trí tuệ	Người		
1.6	Số người khuyết tật dạng khuyết tật khác	Người		
	<i>Chia theo mức độ khuyết tật</i>			
1.7	Người khuyết tật đặc biệt nặng	Người		
1.8	Người khuyết tật nặng	Người		
1.9	Người khuyết tật nhẹ	Người		
	<i>Chia theo nhóm đối tượng</i>			
1.10	Số người khuyết tật <16 tuổi (trẻ em)	Người		
1.11	Số người khuyết tật từ 16 - <60 tuổi	Người		
	Số người khuyết tật ≥60 tuổi (người cao tuổi)			
1.12	<i>Chia theo khả năng tự phục vụ & khả năng lao động</i>	Người		
1.13	Số người khuyết tật còn khả năng tự phục vụ	Người		
1.14	Số người khuyết tật còn khả năng lao động	Người		
2	Số người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận khuyết tật	Người		
3	Số người khuyết tật có việc làm	Người		
4	Tổng số hộ có thành viên là người khuyết tật	Người		
4.1	Số hộ có từ 2 người khuyết tật trở lên	Hộ		
4.2	Số hộ nghèo có thành viên là người khuyết tật	Hộ		
4.3	Số hộ cận nghèo có thành viên là người khuyết tật	Hộ		
5	Tổng số cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh	Cơ sở		
5.1	Trong đó, số cơ sở BTXH có nuôi dưỡng người khuyết tật	Cơ sở		
6	Các chương trình hỗ trợ người khuyết tật đang triển khai tại địa phương			
6.1	Chương trình dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật	Có/không		
6.2	Chương trình sàng lọc, can thiệp sớm khuyết tật	Có/không		
6.3	Chương trình CSSK – PHCN cho người khuyết tật	Có/không		
6.4	Chương trình giao thông tiếp cận	Có/không		
6.5	Chương trình tiếp cận trụ sở CQ nhà nước, công trình xây dựng	Có/không		
6.6	Chương trình trợ giúp pháp lý	Có/không		
6.7	Chương trình giảm nghèo và bảo trợ xã hội	Có/không		
II	CHỈ TIÊU THEO LĨNH VỰC/NGÀNH			
1	Dạy nghề, việc làm và bảo trợ xã hội			
1.1	Tổng số người khuyết tật được học nghề ngắn hạn giai đoạn 2011 -2015	Người		
1.2	Tổng số người khuyết tật được hỗ trợ kinh phí học nghề giai đoạn 2011- 2015	Người		
1.4	Tổng số người khuyết tật được vay vốn giải quyết việc làm giai đoạn 2011- 2015	Người		
1.5	Tổng số người khuyết tật được TCXH hàng tháng ở cộng đồng	Người		
1.6	Tổng số người khuyết tật được nuôi dưỡng tại các cơ sở BTXH	Người		

1.7	Tổng số người (hộ) được trợ cấp chăm sóc người khuyết tật	Người		
1.8	Tổng số người khuyết tật được cấp thẻ BHYT	Người		
1.9	Tổng số trẻ em khuyết tật được hỗ trợ tham gia giáo dục	Trẻ em		
1.10	Tổng ngân sách chi cho các chương trình/dự án/dự án hỗ trợ người khuyết tật giai đoạn 2011- 2015 của ngành LĐTBXH (ước tính)	1000 đ		
2	Y tế - Chăm sóc sức khỏe, PHCN			
2.1	Tổng số trẻ em sơ sinh đến 6 tuổi được khám sàng lọc khuyết tật giai đoạn 2011-2015	Trẻ em		
2.2	Số trẻ em khuyết tật được can thiệp sớm khuyết tật bằng biện pháp y học giai đoạn 2011-2015	Trẻ em		
2.3	Số người khuyết tật được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe	Người		
2.4	Tỷ lệ trạm y tế xã có phân công cán bộ y tế phụ trách công tác PHCN	%		
2.8	Tổng số lượt người khuyết tật được hướng dẫn PHCNĐVCĐ giai đoạn 2011-2015	Người		
2.9	Tổng số người khuyết tật được cung cấp các dụng cụ hỗ trợ giai đoạn 2011-2015	Người		
2.10	Ngân sách chi cho chương trình/dự án/dự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành y tế giai đoạn 2011-2015(ước tính)	1000 đ		
3	Giáo dục – Đào tạo			
3.1	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật đi nhà trẻ, mẫu giáo	%		
3.2	Tỷ lệ trẻ khuyết tật theo học Tiểu học	%		
3.4	Tỷ lệ trẻ khuyết tật theo học Trung học cơ sở	%		
3.5	Tỷ lệ trẻ khuyết tật theo học Trung học phổ thông	%		
3.6	Số trẻ khuyết tật đang theo học trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt	Trẻ em		
3.7	Ngân sách chi cho chương trình/dự án/dự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành Giáo dục – đào tạo giai đoạn 2011-2015(ước tính)	1000 đ		
4	Tiếp cận nhà ở, trụ sở cơ quan nhà nước, công trình xây dựng			
4.1	Tỷ lệ công sở hành chính nhà nước đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	%		
4.2	Tỷ lệ công trình TĐTT đảm bảo tiếp cận	%		
4.3	Tỷ lệ công trình văn hóa đảm bảo tiếp cận	%		
4.4	Tỷ lệ công trình Y tế đảm bảo tiếp cận	%		
4.5	Tỷ lệ nhà ga, bến xe bảo đảm tiếp cận	%		
4.6	Tỷ lệ công trình dịch vụ (Bưu điện, ngân hàng, siêu thị) đảm bảo tiếp	%		
4.7	Tỷ lệ nhà chung cư đảm bảo tiếp cận	%		
4.8	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/dự án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận nhà ở, công trình xây dựng của ngành xây dựng giai đoạn 2011-2015(ước tính)	1000 đ		
5	Giao thông tiếp cận			
5.1	Tỷ lệ xe buýt đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	%		
5.2	Tỷ lệ nhà chờ bến xe, bến tàu đảm bảo tiếp cận	%		
5.3	Tỷ lệ công trình cảng hàng không đảm bảo tiếp cận	%		
5.4	Số người khuyết tật được cấp thẻ đi xe bus miễn phí	Người		
5.5	Số lượt người khuyết tật được giảm giá vé khi tham gia giao thông đường sắt	Người		
5.6	Số lượt người khuyết tật được giảm giá vé khi tham gia giao thông hàng không	Người		

5.7	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận giao thông của ngành Giao thông vận tải giai đoạn 2011-2015(ước tính)	1000đ		
6	Công nghệ thông tin – Truyền thông			
6.1	Số trang thông tin điện tử đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật :	Trang ĐT		
6.2	Số lần phát thanh chuyên mục người khuyết tật hàng tháng (bao gồm cả tiếp sóng TW)	Lần/tháng		
6.3	Số lần phát sóng tuyến hình chuyên mục người khuyết tật hàng tháng(bao gồm cả tiếp sóng TW)	Lần/tháng		
6.4	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin – truyền thông của ngành Thông tin – truyền thông giai đoạn 2011-2015(ước tính)	1000đ		
7	Tư pháp – trợ giúp pháp lý			
7.1	Số lượng trung tâm/chi nhánh TGPL	T.Tâm		
7.2	Số lượng văn phòng/cơ sở luật sư có đăng ký TGPL cho người khuyết tật	Cơ sở		
7.3	Số cán bộ tư pháp/lawyer tham gia TGPL	Người		
7.4	Tổng số lượt người khuyết tật được TGPL giai đoạn 2011-2015	Người		
7.5	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành Tư pháp giai đoạn 2011-2015(ước tính)	1000đ		
8	Văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và Du lịch			
8.1	Số câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ của người khuyết tật	CLB		
8.2	Số người khuyết tật tham gia câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ	Người		
8.3	Số câu lạc bộ thể dục, thể thao của người khuyết tật	CLB		
8.4	Số người khuyết tật tham gia câu lạc bộ thể dục – thể thao	Người		
8.5	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành Văn hóa, Thể thao & Du lịch giai đoạn 2011-2015(ước tính)	1000đ		
9	Nội vụ - phát triển tổ chức của/vì người khuyết tật			
9.1	Số tổ chức hội của người khuyết tật	Tổ chức		
9.2	Tổng số hội viên	Người		
9.3	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ phát triển tổ chức của/vì người khuyết tật giai đoạn 2011-2015(ước tính)			

Lưu ý:

- Số liệu thu thập ước đến thời điểm 31/12/2015
- Các chỉ tiêu gộp theo giai đoạn 2011 -2 015: là số liệu cộng dồn của các năm 2011, 2012, 2013, 2014 và ước đến 2015.